2023/2/23

# 召開股東大會公佈

| 證券代碼 | 證券種類 | 面值 | 證交所 | 最後登記日 | 除權日 | 目的 | 會議時間 | 會議地點 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| TV4 | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/17 | 2023/3/16 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年第二季度 | TP. Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa |
| STC | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/13 | 2023/3/10 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/14 | CTCP Sách và Thi ế t bị trường học TP. Hồ Chí Minh - Số 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh |
| NVB | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/7 | 2023/3/6 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/8 | Phòng họp Tầng 9, trụ sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân, số 28C-28D Bà Triệu, P.Hàng Bài, Q. Hoàn Ki ế m, TP.Hà Nội |
| DIH | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/20 | 2023/3/17 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/26 | Hội trường văn phòng Công ty tại 25 Hùng Vương – phường Cẩm Phô – thành phố Hội An – tỉnh Quảng Nam |
| HVT | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/15 | 2023/3/14 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年4月內 | Hội trường Công ty cổ phần Hoá chất Việt Trì |
| LM7 | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/15 | 2023/3/14 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年4月底 | Khách sạn Minh Toàn Athena - 162 đường 2/9, phường Hoà Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng |
| VMC | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/9 | 2023/3/8 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/6 | Tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội |
| VIF | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/9 | 2023/3/8 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/12 | 再通知 |
| PSC | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/14 | 2023/3/13 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/14 | 再通知 |
| HMH | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/10 | 2023/3/9 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年4月底 | 再通知 |
| NBT | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/15 | 2023/3/14 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年4月內 | 再通知 |
| NVB | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/7 | 2023/3/6 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/8 | Phòng họp tầng 9, trụ sở NCB, số 28C-28D Bà Triệu, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Ki ế m, TP. Hà Nội |
| TA9 | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/17 | 2023/3/16 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年4月內 | Hội trường Công ty CPXL Thành An 96: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, P.Hoà Thuận Đông, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng |
| PPS | 普通股 | 10,000 越南盾 | HNX | 2023/3/16 | 2023/3/15 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年4月內 | Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp HH3, khu đô thị Mỹ Đình, P.Mỹ Đình, Q.Nam Từ Liêm, Tp.Hà Nội |
| APC | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/27 | 2023/3/24 | 召開2023年的股東年度大會 | 2023/4/28 | Hội trường công ty cổ phần Chi ế u xạ An Phú, 119A/2, tổ 4, khu phố 1B, P. An Phú, TP.Thuận An, tỉnh Bình Dương |
| BBC | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/17 | 2023/3/16 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/21 | 再通知 |
| CII | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/14 | 2023/3/13 | 召開2022年的股東年度大會 | 再通知 | 再通知 |
| DHA | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/14 | 2023/3/13 | 召開2023年的股東年度大會 | 2023/4/20 | Trụ sở công ty cổ phần Hóa An, KP Cầu Hang, P. Hóa An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |
| HDC | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/21 | 2023/3/20 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/21 | Hội trường công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu, tầng 3 HODECO Plaza, 36 Nguyễn Thái Học, P. 7, TP. Vũng Tàu |
| VPH | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/15 | 2023/3/14 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年4月內 | TP.HCM |
| ASM | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/14 | 2023/3/13 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年4月內 | Hội trường khách sạn Đông Xuyên, số 09, Lương Văn Cù, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang |
| CCI | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/27 | 2023/3/24 | 召開2023年的股東年度大會 | 2023/4/19 | Hội trường văn phòng CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP.HCM (đường D3 - KCN Tây Bắc Củ Chi) |
| COM | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/14 | 2023/3/13 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/14 | Tầng 10 tòa nhà COMECO, số 549 Điện Biên Phủ, P. 3, Q. 3, TP.HCM |
| DBC | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/15 | 2023/3/14 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年4月內 | Trụ sở chính CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam, số 35 đường Lý Thái Tổ, P. Võ Cường, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh |
| HSL | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/23 | 2023/3/22 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/19 | Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, P. Liễu Giai, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội |
| PIT | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/17 | 2023/3/16 | 召開2023年的股東年度大會 | 2023/4/19 | Hội trường văn phòng công ty, số 54-56 đường Bùi Hữu Nghĩa, P. 5, Q. 5, TP. HCM |
| RDP | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/13 | 2023/3/10 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023/4/14 | Lô (H1-H9), đường số 8, KCN Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |
| TPC | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/17 | 2023/3/16 | 召開2023年的股東年度大會 | 2023/4/26 | Trung tâm Melisa Center, 85 Thoại Ngọc Hầu, Q. Tân Phú, TP.HCM |
| VCF | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/9 | 2023/3/8 | 召開2023年的股東年度大會 | 預計<br>2023年4月內 | 再通知 |
| VTB | 普通股 | 10,000 越南盾 | HSX | 2023/3/13 | 2023/3/10 | 召開2023年的股東年度大會 | 2023/4/15 | Hội trường công ty cổ phần Viettronics Tân Bình, số 248A Nơ Trang Long, P. 12, Q. Bình Thạnh, TP.HCM |